

Phụ lục

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
I	<i>Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác</i>					
1.	Báo cáo tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn	Ủy ban nhân dân cấp xã	- Phòng Tài chính - Kế hoạch; - Các Phòng quản lý chuyên ngành có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	Khoản 2 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 Hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác (Thông tư số 04/2008/TT-BKH)	Sửa đổi Khoản 2 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo.
2.	Báo cáo tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn	Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị	- Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Các Sở quản lý chuyên ngành có	- Định kỳ 6 tháng; - Định	Khoản 3 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH	Sửa đổi Khoản 3 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; bổ sung thời điểm

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
		xã, thành phố thuộc tỉnh	liên quan	kỳ hằng năm		chốt số liệu báo cáo.
3.	Báo cáo tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư và; - Các Bộ, ngành có liên quan	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	Khoản 4 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH	Sửa đổi Khoản 4 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo.
II	<i>Thông tư số 09/2009/TT-BKH ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện dự án thuộc các Chương trình tín dụng chuyên ngành thuộc nguồn vốn vay Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)</i>					
4.	Báo cáo tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh	Ban Quản lý dự án tỉnh	Ban Quản lý chương trình	Định kỳ hằng quý	Điểm g Khoản 5.2 Phần II Thông tư số 09/2009/TT-BKH ngày 30/10/2009 hướng dẫn thực hiện dự án thuộc các Chương trình tín dụng chuyên ngành thuộc nguồn vốn vay Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) (Thông tư số 09/2009/TT-BKH)	Sửa đổi, bổ sung Khoản 5.2 Điều 5 Phần II Thông tư số 09/2009/TT-BKH để quy định các nội dung còn thiếu

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
5.	Báo cáo tiến độ thực hiện dự án	Ban Quản lý dự án	Ban Quản lý dự án tỉnh	Định kỳ hàng quý	Điểm d Khoản 5.3 Phần II Thông tư số 09/2009/TT-BKH	Sửa đổi, bổ sung Khoản 5.3 Phần II Thông tư số 09/2009/TT-BKH để quy định các nội dung còn thiếu
III	Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài					
6.	Báo cáo 6 tháng của chủ Ban Quản lý chương trình, dự án	Ban Quản lý chương trình, dự án	Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài	Định kỳ 6 tháng	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Nghị định số 93/2009/NĐ-CP), - Điều 9 Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện	Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 07/2010/TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu. Bãi bỏ Điều 1 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT ngày 27/12/2018

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
					trợ phi Chính phủ nước ngoài (Thông tư số 07/2010/TT-BKH), - Điều 1 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT ngày 27/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT)	
7.	Báo cáo năm của chủ Ban Quản lý chương trình, dự án	Ban Quản lý chương trình, dự án	Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài	Định kỳ hằng năm	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 9 Thông tư số 07/2010/TT-BKH, - Điều 1 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT	Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 07/2010/TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu. Bãi bỏ Điều 1 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT ngày 27/12/2018
8.	Báo cáo 6 tháng của	Chủ khoản	- Cơ quan chủ	Định	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban	Sửa đổi, bổ sung Điều 10

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
	chủ khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài	viện trợ phi Chính phủ nước ngoài	quản, - Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, - Bộ Tài chính và Bên tài trợ (nếu có yêu cầu)	kỳ 6 tháng	hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 10 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Thông tư số 07/2010/TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu.
9.	Báo cáo năm của chủ khoản viện trợ PCPNN	Chủ khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài	- Cơ quan chủ quản; - Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Bộ Tài chính; - Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN;	Định kỳ hằng năm	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 10 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 07/2010/TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu.

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
			- Bên tài trợ (nếu có yêu cầu)			
10.	Báo cáo tổng hợp 6 tháng và hằng năm về kết quả vận động và tình hình thực hiện các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản	Cơ quan chủ quản	- Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Bộ Tài chính; - Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; - Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 11 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 07/2010/TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu.
11.	Báo cáo tổng hợp 6 tháng và hằng năm về kết quả phê duyệt, quản lý các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan phê duyệt khoản	Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 12 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Thông tư số 07/2010/TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
	viện trợ PCPNN			năm		dung còn thiếu.
12.	Báo cáo tổng hợp định kỳ hằng năm về tình hình vận động, thu hút viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng năm	- Khoản 3 Điều 38 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 13 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư số 07/2010/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; thời điểm chốt số liệu báo cáo
13.	Báo cáo tổng hợp định kỳ hằng năm về tình hình tiếp nhận, giải ngân các khoản viện trợ PCPNN trong cả nước	Bộ Tài chính	- Trình Thủ tướng Chính phủ - Thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan	Định kỳ hằng năm	Điều 14 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi Điều 14 Thông tư số 07/2010/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; thời điểm chốt số liệu báo cáo
14.	Báo cáo tổng hợp định kỳ hằng năm về tình hình phê duyệt, thực hiện các khoản viện trợ PCPNN trong cả nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Trình Thủ tướng Chính phủ; - Thông báo cho Bộ Tài chính và các cơ quan liên	Định kỳ hằng năm	Điều 15 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi Điều 15 Thông tư số 07/2010/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; thời điểm chốt số liệu báo cáo

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
			quan			
IV	Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020					
15.	Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện phát triển bền vững theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Các tổ chức, đoàn thể 	Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ hàng năm	Điều 17 Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT ngày 27/3/2013 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT)	Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT quy định về thời điểm chốt số liệu báo cáo; mẫu hóa mẫu báo cáo tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT (nếu có thể)
V	Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã					

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
16.	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Hợp tác xã; - Liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã	Định kỳ hằng năm	- Phụ lục số I-19 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019, hiệu lực: 28/5/2019 - Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã (Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT); - Điều 23 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 Quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã (Nghị định số 193/2013/NĐ-CP); - Điều 9 Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012	Sửa đổi Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo
17.	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã ở cấp huyện	Cơ quan đăng ký hợp tác xã	Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh	Định kỳ hằng năm	- Phụ lục số II-16 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019	Sửa đổi Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT về thời hạn gửi

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
		cấp huyện		năm	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã (Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT); - Điều 9 Luật số 23/2012/QH13 	báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo
18.	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã ở cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng năm	<ul style="list-style-type: none"> Phụ lục số II-17 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 - Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Điều 9 Luật số 23/2012/QH13 	Sửa đổi Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
VI	<i>Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư; Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành đối với thanh tra chuyên ngành thống kê</i>					
19.	Báo cáo về công tác thanh tra chuyên ngành, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ hàng quý; - Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hàng năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư (Nghị định số 216/2013/NĐ-CP) - Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT ngày 14/10/2014 Hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư; Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ 	Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT về thời gian gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
					quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành đối với thanh tra chuyên ngành thống kê (Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT)	
20.	Báo cáo về công tác thanh tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng ngành Kế hoạch và Đầu tư	Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Tổng Thanh tra Chính phủ	Định kỳ hàng quý	- Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 216/2013/NĐ-CP - Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT ngày 14/10/2014 - Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT	Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT; Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT về thời gian gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo
21.	Báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	Định kỳ hàng quý	Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT	Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT
22.	Báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng	Tổng cục Thống kê	Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hàng	Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT	Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
	chống tham nhũng			quý		
VII	Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư					
23.	Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hàng quý	Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT ngày 26/11/2014 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư (Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT)	Sửa đổi Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT về thời gian gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo
24.	Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hàng quý	Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Tổng thanh tra Chính phủ	Định kỳ hàng quý	Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT	Sửa đổi Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT về thời gian gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo
VIII	Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 08 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài					

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
25.	Báo cáo về tình hình thực hiện chương trình, dự án	Chủ dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ quản, - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, - Bộ Tài chính, - Bộ quản lý ngành liên quan, - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án Nhà tài trợ 	<ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hàng năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 16/2016/NĐ-CP) không quy định cụ thể, - Điều 23 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT), - Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT. 	<p>Sửa đổi Điều 23 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo thống nhất trước 20 tháng cuối kỳ báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu; số liệu thực tế;</p> <p>Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT</p>
26.	Báo cáo tổng hợp về	Cơ quan	- Bộ Kế hoạch và	- Định	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP,	Sửa đổi Điều 24 Thông tư

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
	tình hình vận động, tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	chủ quản	Đầu tư, - Bộ Tài chính - Đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	- Điều 24 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT, - Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT	số 12/2016/TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo thống nhất trước 20 tháng cuối kỳ báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu; số liệu thực tế; Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT
27.	Báo cáo tổng hợp định kỳ 6 tháng và cả năm về tình hình vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi ở cấp quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Trình Thủ tướng Chính phủ; - Thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan.	Định kỳ 6 tháng; Định kỳ hằng năm.	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, - Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT, - Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT
28.	Báo cáo tổng hợp định kỳ 6 tháng và cả năm về	Bộ Tài	- Trình Thủ tướng	Định kỳ 6	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP,	Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 25 Thông tư số

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
	tình hình giải ngân, rút vốn, thanh toán và trả nợ đối với nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi vay nợ ở cấp quốc gia	chính	Chính phủ; - Thông báo cho Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan.	tháng; Định kỳ hàng năm.	- Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT, - Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT	12/2016/TT-BKHĐT Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT
IX	<i>Thông tư 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia</i>					
29.	Báo cáo về tổ chức, thực hiện Thông tư 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hàng năm	Khoản 4 Điều 7 Thông tư 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT)	Sửa đổi Khoản 4 Điều 7 Thông tư 01/2017/TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo năm; bổ sung Điều 7 về thời điểm chốt số liệu báo cáo, nội dung yêu cầu báo cáo, đề cương, biểu mẫu (nếu có) Vụ KTNN.
X	<i>Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư</i>					
30.	Báo cáo tình hình thực	- Bộ, cơ	Bộ Kế hoạch và	Định	- Điều 81, 84 Luật Đấu thầu số	Sửa đổi Điểm a Khoản 2

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
	hiện hoạt động đấu thầu	quan ngang Bộ; - Cơ quan thuộc Chính phủ; - Cơ quan khác ở Trung ương; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Tập đoàn kinh tế nhà nước; - Tổng công ty 91	Đầu tư	kỳ hằng năm	43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 (Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13); - Khoản 13 Điều 129 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP); - Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT)	Điều 4 Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 về thời hạn gửi báo cáo cho phù hợp với Nghị định 09/2019/NĐ-CP; bổ sung quy định về thời điểm chốt số liệu báo cáo.
31.	Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ hằng năm	- Điều 81, 84 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Khoản 13 Điều 129 Nghị định số	Sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 4 về thời hạn gửi báo cáo cho phù hợp với Nghị định 09/2019/NĐ-

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
					63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017	CP; bổ sung quy định về thời điểm chốt số liệu báo cáo.
XI	<i>Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn và ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài</i>					
32.	Báo cáo định kỳ hằng quý tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài	Nhà đầu tư	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư (nếu có)	Định kỳ hằng quý	- Điểm b Khoản 3 Điều 72 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 Quy định về đầu tư ra nước ngoài (Nghị định số 83/2015/ NĐ-CP) - Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT	Sửa đổi các Khoản 11, 12, 13 Điều 2; bổ sung Điều 2a tại Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT các nội dung sau: - Thời điểm gửi báo cáo; - Thời gian chốt số liệu báo cáo
33.	Báo cáo định kỳ hằng năm tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài	Nhà đầu tư	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Cơ quan đại diện Việt Nam tại	Định kỳ hằng năm	- Điểm b Khoản 3 Điều 72 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 - Nghị định số 83/2015/ NĐ-CP	Sửa đổi các Khoản 11, 12, 13 Điều 2; bổ sung Điều 2a tại Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT các nội dung sau: - Thời điểm gửi báo cáo;

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
			nước tiếp nhận đầu tư (nếu có)			- Thời gian chốt số liệu báo cáo
XII	Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu					
34.	Báo cáo hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu	Cơ sở đào tạo đấu thầu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng năm	Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25/01/2019 quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu (Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT)	Sửa đổi thời điểm gửi báo cáo tại và bổ sung định thời điểm chốt số liệu báo cáo tại Điều 18 Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT.
35.	Báo cáo hoạt động giảng dạy về đấu thầu	Giảng viên đấu thầu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng năm	Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25/01/2019	Sửa đổi thời điểm gửi báo cáo tại và bổ sung định thời điểm chốt số liệu báo cáo tại Điều 19 Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT.
XIII	Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng					
36.	Báo cáo tình hình hoạt	- Các Bộ,	- Bộ Kế hoạch và	Định	- Điểm b Khoản 3 Điều 72 Luật	Bổ sung Điều 9 Thông tư

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
	động của mạng lưới tư vấn viên và thực hiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan ngang bộ, - UBND cấp tỉnh. 	Đầu tư; <ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư (nếu có) 	kỳ hằng năm	Đầu tư số 67/2014/QH13, <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP, - Điều 9 Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên 	số 06/2019/TT-BKHĐT các nội dung: tần suất báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo.